

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2021/DS-ST  
Ngày: 06-12-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Kiều Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thành Viên
2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 517/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP SGTT; địa chỉ trụ sở: Số A, đường N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Đức T, sinh năm 1984 (Văn bản ủy quyền lập ngày 25/9/2020) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**- Bị đơn:** Ông Lê H, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Số B đường L, phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP SGTT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ông Trần Đức T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15/5/2009, ông Lê H có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ theo thu nhập và đề nghị của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông H với hạn mức sử dụng là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Lê H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.590. 999 (sáu triệu năm trăm chín mươi nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng, sau đó ông H không thanh toán đầy đủ tiền nợ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 26/5/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 06/12/2021 ông H còn nợ số tiền là: Nợ gốc: 25.520.432 (hai mươi lăm triệu năm trăm hai mươi nghìn bốn trăm ba mươi hai) đồng; lãi quá hạn: 110.203.654 (một trăm mười triệu hai trăm lẻ ba nghìn sáu trăm năm mươi bốn) đồng; Tổng cộng là: 135.724.086 (một trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi tám) đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Lê H trả một lần toàn bộ số nợ trên và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 07/12/2021 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra Ngân hàng không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn là ông Lê H mặc dù được được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để triệu tập bà đến Tòa để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông H không đến Tòa, không cung cấp chứng cứ và không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, ông H tự từ bỏ quyền được pháp luật bảo vệ. Ông H đã được Tòa án triệu tập lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy

định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng**

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP SGTT và ông Lê H có ký với nhau hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện. Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh. Căn Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên bị đơn - ông Lê H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, nên được Tòa án chấp nhận xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

#### **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

##### **2.1. Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ.**

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) ngày 15/5/2009 được ký giữa ông Lê H với Ngân hàng TMCP SGTT cho

thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ hợp đồng tín dụng và các bản sao kê mà nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn - ông H có thực hiện giao dịch với Ngân hàng. Tính đến ngày 06/12/2021 ông H còn nợ số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc: 25.520.432 đồng; lãi quá hạn: 110.203.654 đồng; Tổng cộng là: 135.724.086 đồng. Do ông H không thanh toán đúng hạn số tiền qua các lần giao dịch nên phát sinh lãi suất, các loại phí theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở để thanh toán số tiền còn nợ nhưng ông H vẫn không thực hiện. Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 26/5/2010, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, ông H đã vi phạm về thời hạn thanh toán theo như thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu ông H trả số tiền còn nợ là có căn cứ.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất và phí của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/5/2009 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật. Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc ông H phải thanh toán một lần cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 06/12/2021 là 135.724.086 đồng (trong đó nợ gốc: 25.520.432 đồng; lãi quá hạn: 110.203.654 đồng); kể từ ngày 07/12/2021, ông Lê H tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nguyên đơn không pH chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn pH chịu án phí là 6.786.204 (sáu triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm lẻ bốn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT**

Buộc ông Lê H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm tính đến ngày 06/12/2021 là 135.724.086 (một trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi tám) đồng (trong đó nợ gốc: 25.520.432 đồng; lãi quá hạn: 110.203.654 đồng)

Kể từ 07/12/2021, ông Lê H tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

#### **2. Về án phí dân sự sơ thẩm.**

Ông Lê H phải chịu số tiền án phí là 6.786.204 (sáu triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm lẻ bốn) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.026.890 (ba triệu không trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0027541 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Về nghĩa vụ thi hành án:** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP SGTT và ông Lê H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Kiều Oanh**